

## DU-GIÀ LUẬN KÝ

### QUYỂN 21 (Phần Cuối)

#### BẢN LUẬN QUYỂN 80

Trên đây, đã giải thích năm môn trước trong mười sáu môn của kinh Bảo Tích, dưới đây là, môn thứ sáu, giải thích an lập sở học trong chánh hạnh, trong đó có hai: Trước là hỏi, đáp chung, nêu mười ba hạnh Trung đạo. Sau, gạn hỏi, giải thích riêng.

Trong môn trước, Bồ-tát trước, đối với đạo lý thế tục của kinh Thanh văn thừa, đã nói xong về Bất liễu nghĩa, làm y trì xong, khéo léo thông đạt, nghĩa là chỉ dựa vào nhân không, chưa thấy pháp Không, biết chẳng rốt ráo mà vượt qua kia. Lại nữa tu học chánh cần kinh điển liễu nghĩa của đạo lý hai đế, tương ứng với “hai không” của Đại thừa, gọi là hạnh Trung đạo. Vì sao? Vì kinh điển của Tiểu thừa là không liễu nghĩa, kinh điển của Đại thừa là liễu nghĩa, đây là nêu câu hỏi xong. Dưới đây sẽ nói về ý đáp:

Vì quán suốt mười ba hạnh trung đạo trong Đại thừa, nên là liễu nghĩa, tức nêu mười ba danh.

Y cứ trong giải thích riêng: Đầu tiên là giải thích nhân không. Luận sư Cảnh, Bị nói: “là do một thứ tướng không thật có, nghĩa là chấp ngang thật ngã, quyết không thật có. Dưới đây sẽ nói về mong cầu trong ba sự của sáu thức đối với căn trong, trần ngoài, trung gian, nên không được sự hữu tình, tức sáu tình căn.

Sự khác nhau: Tức sự khác nhau giữa sáu trần bên ngoài, sự thọ dụng kia, tức là sáu thức thọ dụng khổ, vui trong căn, trần”

Pháp sư Thái nói: “Đây là y cứ vào thể của thật ngã, không có lý nhân vô ngã của Bồ-tát:

1/ Việc chúng sinh.

2/ Sự khác nhau về uẩn, xứ, giới trong chúng sinh .

3/ Sáu căn, sáu thức thọ dụng sự sáu trần.

Nếu sáu căn trong, hoặc sáu trần ngoài, trung gian, phàm phu

chấp ngang trái thật ngã, thì ngoài ba việc đều không thật có.

Hai- Giải thích: “Nhân vô ngã, nói là do chỉ một tướng có thể được”. Tức là nhân ngã đã làm sáng tỏ đạo lý chân như là “có”, nên nói rằng có thể được. Nghĩa là đối với ba sự căn, trần, thức, người ngu chấp khắp thật ngã thường trú không thật có, đạo lý tánh tướng khác với ngã có thể được, nghĩa là tánh của chân như vô ngã khác với đạo lý của ngã giả dối có thể được.”

Hỏi: “Không” và “vô ngã” khác nhau thế nào?”

Giải thích: “Vô ngã” trong uẩn, gọi là “không”, thể của uẩn chẳng phải ngã, gọi là vô ngã.

Ba Giải thích: “Trong “pháp không” Luận sư Bị, Cảnh nói: “Tức là không có Biến kế thường, vô thường v.v... trong pháp y tha, Viên thành kia, tùy theo lời nói pháp tánh, nên gọi là pháp không.”

Pháp sư Thái nói: “Biến kế chấp lấy tánh sinh diệt vô thường. Vì không thuộc năm sự, nên đều không được.

Ở đây muốn nói về thể tánh không của ngã, pháp Biến kế sở chấp là “không”, đều không thật có. Nhưng không nói về pháp vô ngã chân như là “thật có” không thật có.”

Bốn Giải thích: Pháp vô ngã: nói là do một tướng cho đến điều mà thánh trí thực hành là cái do nhân và pháp vô ngã hiển bày, do chân như thánh trí thực hành, cho nên có thể được. Hỏi: Pháp không và pháp vô ngã có gì khác nhau? Giải thích: “Y tha Viên thành không có chấp ngang trái kia, pháp của tánh quyết định, gọi là pháp không, tức hai tánh kia, chẳng phải tình chấp có, gọi là pháp vô ngã.”

Lại, giải thích: “Pháp của nhân duyên Y tha, giống như huyền hóa, không có tánh quyết định, gọi là pháp không. Tánh Viên thành thật là “có”, “không” mâu nhiệm, là hữu vô gọi là pháp không. Hai tánh này chẳng phải là tánh chấp có thể, có dụng, gọi là pháp vô ngã. Vì cho nên Nhiếp Luận chép: “Nếu chấp các pháp có tự thể, có công dụng thì gọi là Pháp ngã. Nói pháp không có thể, dụng của định tánh kia, gọi là pháp vô ngã.”

Dưới đây, là nói có sáu tướng nên vô ngã đã làm sáng tỏ chân như, chứng bên trong lời nói, khác với người ngu theo tánh ngôn thuyết, cho nên có thể được. Sáu tướng như văn.

Năm Giải thích: trong “Tăng ích”, Luận sư Cảnh nói: “Sai khác có tám:

1. Chấp thường.
2. Chấp có tánh cố định, vô thường cũng là tăng ích.

3. Nhân chấp thường, chấp ngã tăng ích.
4. Nhân chấp có vô thường, chấp có vô ngã.
5. Nhân chấp vô ngã, chấp thật tâm tăng ích.
6. Nhân chấp “ngã chấp”, tâm không chân thật tăng ích.

“Đây, lai là hai thứ” trở xuống v.v..., là giải thích lại thứ năm, thứ sáu:

1. Quyết định: Chấp trước định ở cảnh.

2. Tìm kiếm: Tìm kiếm hưởng tới trước, lấy tâm của hai cảnh thật, không thật, trong đó, trước, là biến kế chung đối tượng nương tựa, nghĩa là đối tượng tìm kiếm và tương ứng với Biến kế, nghĩa là nói chủ thể tìm kiếm. Dưới đây là, nói riêng. Trước, là nói về lấy tâm không thật tìm kiếm, mong cầu. Tọa nhiễm, đối trị, che lấp pháp có năm lỗi. Điền đảo: vô ngã, chấp ngã, hí luận, nghĩa là đạo đi giả dối ngoài lý, phát khởi hạnh ác: do đây phát nghiệp thô nặng, nghĩa là do “hoặc” nghiệp khởi, thô nặng thêm nhiều.

Tánh vô thường nghĩa là “hoặc”, nghiệp chiêu cảm sinh thêm khổ vô thường. Dưới đây nói chấp tâm thật có, chấp đạo thật có, có thể trừ thanh tịnh, cũng thành Biến kế sở chấp, nên nói rằng “Và ở trong pháp thanh tịnh, chủ thể đối trị kia”.

7. Chấp tâm chân thật tăng ích, làm nương tựa, lại chấp thiện v.v... cho đến chấp tăng ích thanh tịnh.

8. Chấp tâm không chân thật tăng ích, làm nương tựa, lại chấp bất thiện v.v... cho đến chấp tọa nhiễm tăng ích. Đối với tăng ích, Bồ-tát đều không chấp mắc. Đã nói về sai khác. Kế là, nói về tăng ích của tự tánh, tức là chấp có thể tánh của các pháp.”

Pháp sư Thái nói: “Nhị thừa đã chứng lý nhân vô ngã, chỉ là tướng chân như, chứ chẳng phải là chân như chân thật. Dựa vào Địa tiền trong ba tánh trước, và Nhị thừa đã chứng lý Nhân vô ngã, chỉ là tướng chân như, thì cũng là biên tăng ích. Cho nên, chấp thứ tư kia là tăng ích. Thứ năm, chấp hai lý vô ngã tăng ích làm đối tượng nương tựa. Chấp tâm quán vô lậu của hai vô ngã cho là chân thật, tâm quán vô lậu là nhân duyên giả có, chấp pháp là thật tánh quyết định, nên gọi là tăng ích, tức tăng ích của chấp cảnh thứ tư. Thứ năm, chấp tăng ích. Thứ sáu chấp hai ngã tăng ích làm đối tượng nương tựa. Chấp có tâm không chân thật của nga kiến và tánh quyết định, nên gọi là biên tăng ích. Nhưng tức biết tâm chấp ngã, chấp giả dối, gọi là không chân thật. Nhưng có chấp giả dối tự tánh, gọi là tăng ích, chấp này có hai:

1. Quyết định chấp có tâm không chân thật.

2. Tìm kiếm phương tiện. Tìm kiếm, nghĩa là quyết định đã nương tựa không chánh tư duy và quyết định tương ứng với tác ý v.v... Dưới đây, nêu ra đạo lý tìm kiếm. Đối với tâm không chân thật bị đối trị, tìm kiếm năm lỗi trong pháp tạp nhiễm, vì có tự tánh để trị, nên có pháp thanh tịnh, chủ thể đối trị có thể được. Đây là nêu đối trị, để nói chướng có tự tánh, đều là tăng ích của tâm không chân thật.

Thứ bảy là do chấp thứ năm ở trước: Tâm chân thật của quán vô lậu làm đối tượng nương tựa, nên khởi chấp thứ bảy tâm vô lậu chân thật đã sinh ra các pháp thiện vô lậu v.v... có thể tánh, cho đến chấp Niết-bàn thanh tịnh có thể tánh.

Thứ tám do chấp thứ sáu ở trước: Ngã kiến có tánh quyết định làm y chỉ, khởi chấp thứ tám: ngã kiến đã sinh các pháp bất thiện v.v... có thể tánh, cho đến chấp ngã kiến đã thấm nhuần pháp tạp nhiễm sinh tử có thể tánh.

Hỏi: “Trước kia, trong phần nói về nhân vô ngã, một tướng có thể được rõ ràng, vì sao chấp thứ năm vô ngã chính là biên tăng ích ư?”

Đáp: “Môn trước y cứ vô ngã để làm sáng tỏ chân như là thật có, nên nói rằng có thể được. Nếu nghĩa vô ngã chỉ là pháp không, nên ở trước quyết định lựa chọn trong quyển hai, nói về ngã kiến “duyên” tâm vô sinh. Nếu chấp “không” là “có”, thì thành tăng ích.

Pháp sư Đạt nói: “Nói là sở y của Biến kế, nghĩa là căn sở y của chủ thể tính toán so lường và tương ứng với Biến kế: Tâm sở hữu pháp tương ứng với tâm hay tính toán so lường.

“Chấp điều thiện v.v...”: đều chấp vô phú, vô ký, chấp bất thiện v.v... nghĩa là đẳng thủ hữu phú vô ký.

6/ Giải thích ngôn ngữ tổn giảm: tức khởi thắng giải v.v... đối với tánh vô ngã của tà pháp kia, nghĩa là nghe nói tự tánh của biến kế sở chấp vốn là không, tức là chấp y tha, viên thành đều là không. Ác thủ, không này gọi là vô ngã của tà pháp.

7/ Trong giải thích pháp hiện quán, Luận sư Cảnh nói: “ Do ba thứ tướng”.

1- an lập tự tánh của các pháp không thật có. Nói “Tức là đối với sự kia” tức sự thứ nhất trong tăng ích. Và sự sinh thứ tư, nghĩa là chấp tăng ích vô ngã thứ tư trong tăng ích ở trước.

2- Sự sai khác kia không thật có.

3- Tức vì tập quán kia, nên thông đạt như thật.

Nói “Tự tánh trong đây không thật có” tức là tự tánh chấp có hai phần sinh, diệt không thật có. Do quán tập hai thứ này không thật có,

nên đối với vô tướng đã hiển lộ chân như nhậm vận thông đạt.

Nói là tức tướng tự tánh kia không tác ý, không tư duy, lựa chôn, tự trí đã chứng bên trong thông đạt”.

Pháp sư Thái nói: “Tức an lập chấp pháp kia và tự tánh của sự sinh thân thứ tư trong hiện quán thứ tám không thật có, làm tướng thứ nhất.

Dưới đây, trong hiện quán hồi hướng, nói về bốn thứ trí.

- 1- Năng trí.
- 2- Sở trí.
- 3- Sau, có nghiệp trí.
- 4- Sinh thân trí.

8/ Trong giải thích về hồi hướng tánh Đại Bồ-đề: Luận sư Cảnh nói: “ Trước, nói chung hiện quán pháp, năng trí, (chủ thể trí) sở trí, (đối tượng trí) nghĩa là do một thứ tướng tư duy, lựa chọn mà được chủ thể trí, vì không dứt. Dưới đây, giải thích riêng về năng trí, sở trí. Có ba lần “lại nữa”.

1- “Năng trí, sở trí trong đây: “không” là đối trí phiền não, nghĩa là nếu dứt trừ phiền não, thì phải từ môn không giải thoát, nhập chứng Chân như, mới có thể dứt “hoặc”. Vô nguyện là đối trí có nguyện. Vô nguyện là sinh tử, đối trí với tà nguyện. Môn giải thoát vô tướng là những mười tướng đối trí.

“Tất cả như thế gọi là không có tạo tác. Môn ba giải thoát đối trí sinh tử, ở nơi phần sinh tử, gọi là không có tạo tác.

“Lần lại nữa” thứ hai đây là đối trí nghiệp hữu sau, là “không”. Cũng là sinh thân lưu chuyển là “vô nguyện”.

Sát-na, Đối trí v.v... sinh tử lưu chuyển: là “vô tướng”. Dưới đây là, “là lần lại nữa” thứ ba. Do “không” ở trước làm rõ diệt Niết-bàn, trái với sinh tử ở trước, vì làm đối trí, nên nói là diệt hành Niết-bàn không có tự tánh. Đây lại dùng sinh tử lưu chuyển làm bị đối trí v.v... Nghĩa là vì thương xót chúng sinh, nên lưu lại phiền não, thọ sinh giáo hóa muôn vật, với công hạnh vị tha được tăng trưởng, hướng về Bồ-đề.”

Luận sư Bị nói: “Môn “không” giải thoát ở trước chẳng phải trực tiếp có thể dứt trừ phiền não, mà cũng có thể dứt trừ nghiệp, kể cả Di thực.”

Luận rằng: “Đây lại v.v... trở xuống: ý vẫn là ở đây. Tất cả thân sinh, đều gọi là thân sinh lưu chuyển, vì mỗi niệm kia sinh, rằng, sát-na sinh lưu chuyển, tổng kết môn ba giải thoát, nên gọi là hành Niết-bàn không có tự tánh, tức dùng sinh tử lưu chuyển làm đối tượng trí.”

9/ Giải thích: “Hành như thế, mà các mọi khổ phiền não không ràng buộc tâm, dù rằng không dứt hẳn đối tượng trị. Do quan pháp vô ngã, nên tự tánh của pháp đó không nhiễm, không khổ.

10/ Giải thích về thắng giải khác nhau của hai vô ngã: nghĩa là do bốn tướng:

1) Kiến khác nhau, nghĩa là trụ nhân vô ngã và Niết-bàn. Ở thân đương lai, khởi tăng thượng mạn đoạn diệt, nghĩa là người này ở kiến đạo về trước, thực hiện quán “nhân vô ngã”, “duyên” trí quán này sinh ngã mạn, nói là được Niết-bàn, thân sau không khởi.

Nói “Lai, đối với sở thủ, cho đến “gọi là không khéo quán sát cảnh giới sở tri, nghĩa là phạm phu đối với cảnh giới, chấp ngã và tâm năng chấp ngã là “có”. Người Nhị thừa chỉ đối với sở thủ, chấp ngang “thần ngã”, quán sát là “không”, không quán tâm, chủ thể chấp ngã tùy theo tánh ngôn thuyết, cũng là tánh “không”, nên gọi là không khéo quán cảnh giới sở tri”. Do chấp mắc các pháp, cầu dứt trừ phiền não. Chấp có các pháp, cầu dứt trừ phiền não, không tỏ ngộ pháp không, gọi là kiến khác nhau, mà các Bồ-tát thì không như thế.

2) Tức sự khác nhau tổn giảm rất xa này, nghĩa là trụ Bồ-đặc-già-la vô ngã, cho đến hai thứ chấp mắc trước, sau vì mất mát, hư hoại v.v... Luận sư Cảnh nói: “Có một hạng người nghe nói Biến kế sở chấp “ngã không”, thì chấp thể uẩn, sở duyên của ngã kiến “không”. Đối với ngã kiến, phạm phu trong hạ lại hạ, ngã kiến gọi là phẩm hạ. Không kiến gọi là phẩm hạ trong hạ. Do hai nhân duyên giải thích nghĩa hạ kia:

1. Khổ không giải thoát, vì chấp mắc “không kiến”, không tu nhân khổ.

2. An trụ nơi khổ, hai thứ chấp mắc trước, sau, hư hoại, mất mát, nghĩa là ở trước dựa vào giáo chấp khởi kiến vô ngã, cùng với ngã kiến, đồng chấp pháp nhân duyên là “không”, gọi là hai thứ chấp mắc trước, sau, mất mát hư hoại.

3. Đối với dứt trừ mê lầm khác nhau, nói là trụ nhân vô ngã, cho đến theo đuổi tìm kiếm đoạn diệt v.v... nghĩa là Nhị thừa đã trụ Nhân vô ngã, nghe theo lời nói tự tánh của pháp đều không, bèn sinh sợ hãi, nói là pháp đoạn diệt Niết-bàn, không thể biết rõ Biến kế theo pháp ngôn thuyết, rốt ráo đều không. Hai tánh còn lại vẫn còn.

4. Khác nhau mê lầm nơi tâm, nghĩa là “đối với dứt mê lầm như thế, cho đến bị điên đảo v.v... bởi tưởng điên đảo v.v... Dù không nhân chấp, vẫn bị điên đảo bởi ba thứ điên đảo: Tâm, tưởng, kiến của pháp chấp.

11/ Giải thích về tánh nhân. “Nói quán sát người năng chấp trong đây, là vì đến sát-na, nghĩa là tức quán sát pháp nhân duyên sinh của Y tha, có sát-na sinh, diệt, là Biến kế sở chấp, tùy theo tự tánh ngôn thuyết.

Trong đây, như thật kia thông đạt, cho đến trí quyết định sinh, nghĩa là thông suốt tánh quyết định chấp ngang trái, vì “năng”, “sở” không thật có, nên trí quyết định sinh, chứng Viên thành bên trong.

12/ Giải thích tánh “không” của bờ mé. Nói “Như thật hiện rõ trong đây, cho đến “Vì có sát-na”, nghĩa là do trí vô ngã không nhân lấy Biến kế sở chấp. Thời gian sau, “duyên” thì nghiệp phiền não, theo tướng phần của tâm, giống với cảnh tương tự nghiệp phiền não, mà biết, lại không có vẻ lơ mờ, đối với tướng phần kia và bản chất nghiệp, “hoặc” là tự tánh ngôn thuyết, đều không chấp mắc. Ảnh tượng như thế và với bản chất đều là pháp sát-na sinh, diệt, không đồng với Biến kế sở chấp chẳng phải tánh sát-na không có sinh, không có diệt.

13/ Giải thích về oai đức của tánh “không”. Nói “Đoạn trong đây cho đến “Các nghiệp phiền não”, nghĩa là như kinh ấy nói “Như ngôi nhà kia chìm trong bóng tối ngàn năm, dùng đèn, đuốc v.v... với một niệm sáng suốt, đều có thể quét sạch, dụ cho “hoặc”, nghiệp vô thủ, nếu khởi trí sáng, một niệm liền dứt trừ.

Thứ bảy, là môn Đại, giải thích về sự khác nhau thù thắng của sở học Bồ-tát, Thanh văn kia. Đầu tiên, là lược nêu số, có bốn thứ sở học của Thanh văn, Bồ-tát Thanh văn, khác nhau có mười ba thứ.

2. Chính giải thích: Trước, giải thích bốn hạng Thanh văn. Kế là, giải thích về sự khác nhau.

Trong giải thích bốn hạng Thanh văn, 1- Gạn hỏi, nêu lên bốn tên gọi; 2- Nhắc lại danh, giải thích.

“Thanh văn Tăng thượng mạn cho đến “Chấp cho là thanh tịnh”, nghĩa là nếu dựa vào giáo Tiểu thừa, thì Thanh văn là rất ráo. Nay theo giáo Đại thừa, Thanh văn cũng chẳng phải rất ráo. Ở địa vị Thanh văn thừa, được trí nhân vô ngã đầy đủ, kính mến học pháp vô ngã chưa thành, nên gọi là trí vô ngã, chấp mắc pháp tà kiến. Nhưng thật sự chưa thanh tịnh, chấp có thanh tịnh, tức là Tăng thượng mạn chưa được, cho là được.

Rằng, như hai vương tử, nghĩa là Thanh văn và Bồ-tát, chỗ sinh tương tự, nghĩa là đồng dứt trừ phiền não, chứng đắc giải thoát.

Thọ sự vui sướng của Vua: là Niết-bàn. Một, đối với Vua, về mặt chính trị, thi phú, biện luận, xử công xảo v.v... thấy đều giỏi: Đức Phật,

hiệu là pháp vương. Ba tạng giáo pháp, gọi là chính trị, thi thơ, biện luận. Sự nghiệp lợi tha, gọi là xử công xảo. Bồ-tát khéo biết việc này. Thanh văn thì không như thế.

Y cứ trong giải thích khác nhau, trước nêu sự khác nhau, Nêu có mười ba. Kế là giải thích riêng. Dù nêu mười ba, nhưng mười hai trong giải thích, dùng hai môn: chủng tánh, trì chủng kết hợp giải thích, nên nói: “Lại, Thanh văn kia, cho đến “mà là Phật tử”, nghĩa là Thanh văn dù “duyên” Niết-bàn, tác ý tập hợp thành, mà chẳng phải Phật tử. Lại, “Thanh văn kia, dù siêng năng tinh tấn v.v... cho đến “trái với kia”, nghĩa là Thanh văn dù siêng năng tinh tấn, với tâm quán bốn đế, được trụ định, nhưng không thành tựu tướng chủng tánh Phật, nên gọi là không có chủng tánh. Chư Phật không thể nhiếp thọ, nên gọi là không trì chủng”.

Lại, đối với Thanh văn cho đến “Vì Niết-bàn kia do tác ý này nhóm hợp thành”, về nghĩa đồng với pháp thế gian thứ nhất của Bà-sa, đều là vượt hơn. Đức Như lai bất cứ lúc nào, cũng vượt hơn Thanh văn. Bồ-tát đối với Phật, lại càng vượt hơn Phật. Đức Phật kia do Bồ-tát này nhóm hợp thành, nên như pháp thế đệ nhất vì khai sinh Thánh đạo, nên đều vượt hơn. Lại “Do hai duyên cho đến “có thể khiến cho giải thoát”, đây là giải thích lý do Bồ-tát hơn Phật:

1/ Do nhân duyên Bồ-tát này tu sáu độ, cảm quả Bồ-đề.

2/ Vì được Bồ-đề rồi, thành thực hữu tình.

Cũng có thể: 1/ Thành thực hữu tình; 2/ Thành thực Phật pháp. Do hai duyên này, nên chiêu cảm Bồ-đề, thành thực hữu tình, cho nên vượt hơn Như lai.”

Lại giải thích: “Trên, đối với quả Phật, để nói về sự vượt hơn. Bồ-tát kia, do hai duyên nên vượt hơn Thanh văn. “Thí như có người” trở xuống v.v..., là dụ so sánh:

Năng biện: Dụ cho tu nhân năng thành thực: dụ cho đắc quả. Vì tu hành khéo léo, nên gọi là giác tuệ ít có, diệu kỳ! Tự tu hành đã mãn, làm lợi lạc chúng sinh, không đồng với Thanh văn, sau khi chứng quả rồi, vắng lặng thọ dụng, nên nói: “Thanh văn kia an nhiên mà ăn dùng”.

Thứ tám, môn Đại. Giải thích Bồ-tát khéo học trí thế gian, xuất thế gian, lợi ích sự nghiệp lợi tha, trong đó, trước chung sau riêng. Trong riêng, trước nói về trí thế gian. Sau, nói về trí xuất thế gian.

Trong phần trước, trí thế gian thôi dứt, hàng phục tạp nhiễm phẩm trung thượng, tức là Kiến đạo trở xuống.



Nói “Các vị xuất gia cho đến “đối với chẳng phải giải thoát, chấp làm tánh y chỉ của giải thoát”, ở đây có bốn trường hợp :

1. Tánh y chỉ của ác kiến.
2. Và ác kiến kia đã dựa vào định học. Tác ý bất chính, dựa vào tánh chỉ.
3. Nguyện tánh y chỉ của hữu sau.
4. Hoặc chung do bốn điên đảo, hoặc riêng do một hai điên đảo, nên chấp giả dối tánh y chỉ của Niết-bàn.

Nói “Trong chứa nhóm cho đến “đều được quyết định”, nghĩa là đối với các nhóm như sắc v.v... do một niệm chấp “hoặc” phẩm trung khởi thì có thể hàng phục. Từ đây vì dứt trừ “hoặc” mà trí xuất thế đã dứt, nên y chỉ đối trị, tức khiến cho trụ vững chắc. Do đối trị này có thể hàng phục ngu mười hai duyên khởi.

Ngu tánh vô ngã của Nhân, Pháp, đối với nội, ngoại đạo, tà, chanh này đều được quyết định.

Kế là nói về trí xuất thế gian, đầu tiên, nói chủ thể trị tùy miên vi tế, gọi là trí xuất thế. Đây là nói về kiến đạo đoạn, ở ba cõi, tùy miên do kiến dứt trừ. Ở đây lại nói vì sao? Cho rằng dựa vào hàng phục tùy miên kia, mà đối trị ba cõi.

Thiện xảo v.v... Đây là nhắc lại kiến đạo trở xuống. Do thực hành ba thứ thiện xảo làm gia hạnh, nên được nhập kiến đạo. Kế là, nói về tu đạo. “ Vì muốn vượt qua cho đến” tinh tấn, siêng năng bên trong, quán sát tự tâm”: đây là nêu chung. Bốn thứ vô tri tức là vô minh do tu dứt trừ, không thể biết rõ bốn tướng khởi.”

Dưới đây là giải thích riêng. Đầu là nêu bốn danh. 2- Theo thứ lớp giải thích:

Thứ nhất do ba thứ tướng mạo, nên biết được cộng tướng của tâm:

- 1) Đối với bốn duyên sinh: Vì chưa sinh đã diệt, nên không có tác dụng.
- 2) Vì hiện tại, sát-na diệt nhanh chóng, nên không có tác dụng.
- 3) Vì tâm tham v.v... đã từ duyên, khiến sinh tác động của phi tâm.

Thứ hai do ba thứ tướng mạo, nên biết được tự tướng:

1) Như trước đã nói, tự tánh của ngôn thuyết không thật có, nghĩa là Biến kế sở chấp tùy theo tánh ngôn thuyết không thật có.

2) Như trước nói: “Do sáu thứ tướng như thật có thể được”. Nghĩa là như trước nói “do sáu tướng trong tánh vô ngã của pháp quán xuyên

như trước) Đối với các người ngu, Biến kế sở chấp tướng của tướng khác của tự tánh ngôn thuyết có thể được.

3) Vì sở đắc của trí vô sai khác, tức là sở chứng của trí chánh thể.

Do ba thứ tướng nên biết được tướng tạp nhiễm của tâm:

1) Tức ở trong năm cõi, vì tự thể của mỗi thứ thức sinh, nên gọi là sinh.

2) Tức trong năm cõi này, vì tự nhiên sinh, diệt có lưu chuyển. Vì khó điều phục tâm, đối với các cảnh giới và vì sức tham đã khởi, nên gọi là chuyển.

3) “Nếu đối với hành kia, nếu hành động như thế, gọi là hành tạp nhiễm”, đây là nêu hai chương. Dưới đây là giải thích riêng hai chương. Đầu tiên là giải thích hành kia, tức có năm câu. Kế là, giải thích về hành như thế, có sáu câu.

Ở trên, nói về pháp thuyết. Dưới là nêu dụ thuyết. Trong nghĩa này, thị hiện giả hợp, mà đặt ra thí dụ. Sự ấy nên biết, nghĩa là như nhà, như xe, rừng v.v... là thí dụ.

4) Do ba thứ tướng, nên biết tướng thanh tịnh của tâm:

a. Tướng bất đắc (không chứng đắc), nghĩa là nếu do khác nhau, như lý siêng tu, cầu tâm thanh tịnh, không thể chứng đắc.

b. Tướng vô vi, nghĩa là không quán thấy tự tánh của ngôn thuyết, thấy tướng chân như, đây là do chín tướng tương đương với quán vô vi:

1/ Không hành ba đời.

2/ Chẳng phải như tâm, tâm sở diệt, trong định Diệt tận, nhưng là vô vi, vì tự tánh ngôn thuyết không thật có, vì tướng chân như là thật có, chẳng phải “có” “không”, là bình đẳng không hai tướng.

3/ Chẳng phải tướng quả báo của sinh thân.

4/ Vượt qua tướng nhân của nghiệp “hoặc”.

5/ Vượt qua sinh cửa hữu sau.

6/ Vượt qua già chết.

7/ Vượt qua sát-na, vì xoay vần nối tiếp nhau không xa lìa.

8/ Vượt qua năm đường chuyển đời.

9/ Vượt qua sự tạo tác nghiệp phiền não.

3/ Tướng của chủng tánh, vẫn chia làm hai: Đầu tiên, y cứ một vị để nói về chủng tánh, hiện tại, mai sau, vượt qua, gồm có mười một tướng. Sau, y cứ vào bốn thứ chín tướng, để nói về tướng của chủng tánh.

Trong phần trước nói về tướng của chủng tánh trong đây, phải biết

là tướng của giới vô học: Giới nghĩa là nhân, tức là tướng nhân sanh quả Vô học.

“Vượt qua năm việc trong hiện pháp, nghĩa là pháp thiện gọi là sở tác, ác, vô ký, gọi là phi sở tác. Tinh tấn gọi là gia hạnh của sở tác. Biếng nhác gọi là sở tác, chẳng phải gia hạnh, gia hạnh trong vô ký ác, gọi là chẳng phải gia hạnh sở tác. Vượt qua năm sự như thế trong hiện pháp, gọi là tướng của chủng tánh.

Vượt qua sáu sự trong pháp sau v.v... 1- Giải thích nghiệp của hữu (thân) sau do hiện tại chiêu cảm, gọi là hành của hữu sau. Nghiệp đã tạo trong thân sau, gọi là hành của hữu kia. Nghiệp đã cảm sinh quả gọi là sinh của quả kia. Dựa vào quả kia. Dựa vào quả kia, phát ra nghiệp của hữu sau. Vì suy, thịnh, nên gọi là dựa vào thịnh suy kia. Với nghiệp đó đã cảm quả của năm đường, tu học cầu nguyện, thô dụng khổ vui v.v... trong pháp giáo động, gọi là đối với sở y kia, cho đến kỳ nguyện thọ dụng. Sự khác nhau của thân năm đường kia, gọi là tự thể khác nhau của sở y kia.

1/ Giải thích phát nghiệp của hữu sau, vô minh gọi là chủ thể phát khởi hành của hữu sau, đã phát ba nghiệp, gọi là hành của hữu kia. Pháp khác, đồng với giải thích trước.

Vượt qua sáu sự như thế ở trong pháp sau, cũng gọi là tướng của chủng tánh. Kế là y cứ vào bốn vị, chín tướng để nói về tướng của chủng tánh:

1/ Vị không thanh tịnh, nghĩa là chủng tánh của tánh.

2/ Vị thanh tịnh, là hạnh thắng giải.

3/ Vị thông đạt là kiến tu.

4/ Vị rốt ráo là quả Vô học.

Dưới đây, là giải thích chín tướng.

Ở vị không thanh tịnh có một tướng, nghĩa là tướng đẳng tùy hành, khắp đối với tất cả đẳng tùy hành của tướng sắc v.v..., cũng như hư không không có chi không tồn tại. Nơi vị thanh tịnh có hai tướng:

1/. Tướng bình đẳng một vị.

2/. Tướng thân, tâm xa lìa.

Ở Vị thông đạt có hai tướng:

1/ Thuận theo thú hưởng rốt ráo.

2/ Siêu việt qua các đường ác kiến.

Ở Vị rốt ráo có bốn tướng: Một là vị thành, mãn, yên vui. Ba vị sau, tức là vượt qua ba sắc biến đổi hư hoại.

Nói xứ điền đảo biến đổi, hư hoại: 1/ bốn xứ điền đảo biến hoại.

2/ Tâm cuối cùng của trung hữu.

Thứ chín, là môn Đại, sở học của Thanh văn trong giải thích về giáo thọ của Bồ-tát.

Nói “Bổ-đặc-già-la vì không có tánh ngã, hoặc vì pháp là tánh vô ngã, nghĩa là trong đây, đã nói về sở học của Thanh văn, vì sao lại nói pháp vô ngã ư?”

Giải thích: “Vì Thanh văn, lợi căn cũng tu quán pháp không.”

Lại, giải thích “Ngã không” trong đây, gọi là nhân vô ngã. Vì ngã đã không, nên gọi là pháp vô ngã”. Lại, như chính là không trừ bỏ, nghĩa là dù rằng còn do cảnh và sức người khác mà khởi chấp giả dối, nhưng chưa bị người khác dẫn dắt mà khởi tham, sân v.v... gọi là chính không trừ bỏ. Nếu đã bị người khác dẫn dắt rồi, khởi tham, sân v.v... gọi là đã không trừ bỏ. Nếu do tùy theo một tham v.v... không trừ bỏ, phải biết rằng, tùy một sân v.v... cũng gọi là không trừ bỏ. Đàng bỏ, đã bỏ, trái với đây rất dễ hiểu.

Tám học pháp trái nghịch:

1/ Mê đắm, năm dục, luống uống công phu.

2/ Mê đắm cảnh, nên không được tự tại.

3/ Vì đã không tự tại, nên che lấp tu ba học.

4/ Vì đã làm chướng ngại, nên khiến trở thành chướng ngại, không tránh khỏi chê bai hiềm khích.

5/ Vì đều có chướng ngại, nên tổn thất ba học.

6/ Vì đã gây tổn thất cho học, nên hay khởi vết thương của ba nghiệp bất tịnh.

7/ Vì đã có vết thương, nên tâm sinh ăn năn, phiền não, không được yên ổn tu ba học.

8/ Vì đã nóng nảy, bực dọc, nên các bệnh phiền não với sắc thái vững chắc, khó dứt trừ.

Dưới đây là, môn Đại thứ mười và môn thứ mười một, trong đó đầu tiên giải thích học bất thiện. Kế là, giải thích học thiện. Sau, đối nhau nói khác.

Đầu tiên, trong giải thích Sa-môn học bất thiện, trước gạn nêu ba thứ.

Nói “Đồng phần của hình tướng”, nghĩa là bề ngoài giống như Sa-môn, bên trong không có chánh hạnh.

Kế là, giải thích riêng về tướng của đồng phần, không đồng phần, trong đó có hai:

1/ Y cứ vào tiền của, dụng cụ, để nói về đồng phần, không đồng

phần, nghĩa là nếu mong cầu tiền của, dụng cụ để tu ba học, vì đáng đắp bề ngoài giống như tu, nên gọi là đồng phần của ba học, do không chính cầu giải thoát, nên gọi là không đồng phần của ý lạc.

2/ Y cứ ở tiếng khen, để nói về đồng phần, không đồng, nghĩa là nếu đối với tiếng khen, mà học chỉ quán. Vì thân mang tướng ngoài, dường như tu nên gọi là chỉ quán. Nếu tướng riêng, hoặc song tu và đồng phần của tư lương chỉ, quán, do không thuận với ba tướng, nên gọi là không đồng phần của ý lạc.

Kế là, Sa-môn học thiện do bốn thứ tướng, nghĩa là do gia hạnh nhằm chán gia hạnh thành thực nối tiếp nhau trong đời trước, nên gia hạnh viên mãn, nghĩa là như chỗ khác nói: “Do dục vượt hơn hiện tại và thiện căn quá khứ mới có thể tu đạo”. Điều này cũng so sánh mà biết. Hai là do ý lạc thắng giải của pháp vô ngã, nên nếu đối tượng nên được, nghĩa là đạo sở chứng. Nếu có thể trở nên được, nghĩa là đạo sở chứng, đối với hai pháp tùy tự tánh ngôn thuyết, vì không có chấp mắc, nên chính vì tìm cầu trong nghĩa của bốn y thú, nên không chỉ tùy ngôn thuyết, mà còn tùy nghĩa, nên ý lạc viên mãn.

3/ Về chân như “pháp không” Vì không do giáo của người khác, nên trí thông đạt tự tánh không có tạp nhiễm. Lại, trong Tam Bảo thế tục, sinh tử thế tục ràng buộc Niết-bàn, giải thoát, vì thông đạt tự tánh không có sở đắc, nên thông đạt viên mãn.

4/ Vì đã giải tu tập đối trị hai chương và vì ở chân như không có kiến đoạn hoại, nên hưởng đến rốt ráo viên mãn. Dưới đây là đối nhau để nói về sự khác nhau:

Lại nữa, Sa-môn học bất thiện, do ba tướng gọi là nghĩa bất như.

“Nói gia hạnh đầy đủ ý lạc suy tổn”, nghĩa là hay nghe nói chứng, gọi là gia hạnh đầy đủ. Vì không có Thắng tấn (tiến bộ), nên gọi là ý lạc suy tổn, vẫn còn lại rất dễ hiểu.

Thứ mười hai, là Môn Đại. Giải thích trụ giới thế tục có bốn tướng:

1/ Dù có sáu chi Thi-la, mà vì hai thứ suy tổn, làm tổn hại Thi-la:

a. Do hiện hành của ngã kiến.

b. Vì đối với trái phạm, sám hối, không nhận biết (vì không biết rõ về vi phạm, sám hối).

Sáu chi Thi-la như Bản địa nói.

2/ Dù xa lìa hai lỗi hao hụt này, nhưng vì chưa được định cộng giới của thế gian, nên không thể hàng phục thân kiến.

Hỏi: “Đã lia hai lỗi, vì sao lại nói rằng không hàng phục thân kiến ư?”

Giải thích: “Dù tạm thời không khởi thân kiến, nhưng chưa đưa vào định để hàng phục”.

3/ Dù được Định giới của thế gian đã hàng phục thân kiến, nhưng vì tà giải pháp không là chưa được cho là được, nên làm tổn hại Thi-la, đây đều là ở vị Địa tiên.

Thứ mười ba, Môn Đại, giải thích trụ giới Thắng nghĩa, trong đó, đầu tiên nêu chung tướng của giới vô lậu. Kế là, đối với thế tục để nói về thắng nghĩa, sau là phán quyết, giải thích về nghĩa Già tha.

Trong phần đầu, là Thánh đã thành tựu luật nghi vô lậu, đều có với đạo đối trị, nhiếp thu giả từ thật, cũng gọi là đối trị.

Kế là, trong phần đối với tục nói về chân trước nêu chung về hý luận của thế tục. Nếu có thể vắng lặng thì thế tục kia sẽ được gọi là giới vô lậu.

Trong nói riêng, nói “Tùy hành thô nặng của phẩm thân kiến trong vị thứ hai, nếu gọi là có thể được, hoặc sắc có thể được, nghĩa là do thô nặng đã theo năm uẩn hiện có thể được, hoặc sinh nhau ở đương lai.

Vô tướng thời nay v.v... Do có thô nặng nên dù thích hợp có thể sinh thân, mà nay chưa sinh. Y cứ triển ràng buộc không khởi, gọi là vắng lặng, cũng có tùy miên, gọi là không vắng lặng. Nếu Bồ-đặc-già-la chấp vô ngã, nếu Bồ-đặc-già-la chấp xả bỏ, nghĩa là dù đã bỏ ngã chấp mà vẫn chấp vô ngã.

“Nếu tức đối với nhân vô ngã kia cho đến “Nếu chẳng phải tánh bị chấp”, nghĩa là chấp là vô ngã trong chấp “nhân vô ngã” kia, gọi là tánh bị chấp. Không chấp làm ngã, gọi là chẳng phải tánh bị chấp.

“ Nếu do đây, cho đến “Có thể giả thiết tâm, ngữ, giả đặc ra chấp khen điều thiện, vấn đề này có hai giải thích:

1/ “Do chấp này, vì chẳng phải tánh chấp, nên hữu tình chấp chuyển trong năm uẩn như sắc v.v... Nếu hữu tình kia dù khen ngợi việc thiện, hoặc có thể pháp giả khen tâm, ngữ thì pháp này chính là người khen và pháp khen.”

2/ “Nếu do thô nặng tùy hành thân kiến này, nên trong cõi hữu tình như sắc v.v... đối với hữu tình kia trụ Thi-la”, nghĩa là dù khen việc thiện thì tâm, ngữ lại chấp khen việc thiện.”

Nói “Nếu sinh ở cõi trên, nên là thế gian, nếu bỏ cõi dưới nên chẳng phải thế gian”, nghĩa là dù bỏ cõi Dục, gọi là phi thế gian, nhưng

vì sinh cõi trên, nên cũng gọi là thế gian.

Dưới đây giải thích nghĩa Già tha:

Nói “Lại, tức tương ứng với nghĩa này v.v... đến “Già tha”, đây là nêu chung, tức tương ứng với nghĩa vắng lặng của hí luận này.

Dựa vào giới, định, tuệ vô lậu, nên biết rằng, trong kinh đã nói về nghĩa Già tha.

Kế là, giải thích đúng về nghĩa Già tha kia. Đại ý có hai:

1/ Nói về tư lương phước, tức là giới, định, trần như yếu mỏng, vì nhiếp thọ Thiện sĩ không có mất mát, hư hoại.

2/ Nói về tư lương trí, tức là tuệ học, vì khởi thắng giải đối với chỗ nghĩa văn thật sâu sắc, đây là do hai duyên nhập giáo của Như lai:

1. Do pháp trụ trí phân biệt rõ, tức là trì duyên, nhân quả ba cõi.

2. Do trí chân thật khéo quyết định, tức là trí vô lậu.

Thứ mười bốn, Môn Đại, là giải thích về phương tiện điều phục của Như lai. Đầu tiên, là nói về hai đồng phần. 2- Nói về bốn giáo đạo.

Trong phần đầu, nói phương tiện này có hai thứ, nói là vì đồng phần của tự thể, nghĩa là vì đồng tự thể của đối tượng đã hóa độ kia.

Và, vì đồng phần của thắng giải, nghĩa là sao cho đối tượng hóa độ kia đồng với thắng giải của mình. Lại, thể hiện đồng phần, vì để tâm an trụ thọ giáo, nghĩa là vì để tâm an trụ thọ lãnh giáo pháp, nên thể hiện đồng phần của tự thể. Và vì dựa vào sự truyền dạy mà xuất ly, nên khiến cho đối tượng giáo hóa kia đồng với thắng giải của mình, mà tu đạo.

Thứ hai, trong giải thích về giáo hóa, dẫn dắt, trước nêu chung, về danh. Sau, tùy chỗ khó khăn giải thích lại.

Trong giải thích có hai: 1. Giải thích. 2. Giáo hóa, dẫn dắt. Giáo hóa dẫn dắt này có hai:

1. Do tự tánh phân biệt.

2. Phân biệt khác nhau bên trong.

1/ Kế là giải thích phần giáo đạo thứ ba, cũng có hai:

a/ Y cứ vào đạo mà nói

b/ Y cứ vào Niết bàn.

Y cứ vào đạo có hai:

a. Do phân biệt tạp nhiễm của đạo trước, sau.

b. Do phân biệt xa lìa tạp nhiễm.

Y cứ ở Niết-bàn có hai:

a. Do tùy theo tự tánh của ngôn thuyết, mà chấp.

b. Vì tác động tưởng sở hữu của tâm trong danh, tưởng Niết-bàn. Thứ ba, giải thích giáo hóa, dẫn dắt thứ tư, cũng có hai trường hợp:

1/ Tất cả tưởng trong tâm vắng lặng, và tưởng tăng ngữ vì biết rõ khắp.

2/ Đối với nhân duyên của hai tướng kia, đều xa lìa.”

Lại, giải thích: “Đối với nhân duyên sợ hãi của dẫn đạo thanh tịnh kia và nhân duyên sợ hãi của Niết-bàn thanh tịnh, đều xa lìa, phải biết là phương tiện giáo hóa dẫn dắt của hiện pháp lạc trụ thứ nhất.

Thứ mười lăm, Môn Đại, là giải thích về ngôn ngữ mật ý, trước giải thích ngôn ngữ mật ý. Sau là nói về ba viên mãn.

Trong phần trước, nói “rằng, sự của chỗ yên ổn đủ của các danh ngôn cho đến “gọi là thanh tịnh”: Đây là y cứ y tha, để nói không có hai tướng.

Nói “Lại, chẳng phải sự của chỗ yên ổn đủ của tất cả danh ngôn v.v... đến “gọi là thanh tịnh”: Đây là y cứ ở Viên thành để nói không có hai tướng.

Đối với một việc kia, vừa có, vừa không, chẳng phải có, chẳng phải không, nên gọi là không hai. Dưới đây, nói về ba viên mãn:

nói “Do năm tướng gọi là luận Viên mãn v.v... ”:

1. Nhân duyên của thuyết.
2. Ngôn của tuyên.
3. Pháp sở thuyết.
4. Nghi thức của thuyết.
5. Người năng thuyết.

Nói “Nếu oán trong vượt hơn” nghĩa là oán phiền não vượt hơn. Nếu oán ngoài vượt hơn, nghĩa là hàng phục thiên ma vượt hơn.

Nói “Do năm tướng, gọi là quả thắng lợi viên mãn v.v... ”.

1. Cúng dường Như lai.
2. Trả ơn thí chủ.
3. Vượt qua khổ sinh tử.
4. Đối với tánh của ruộng phước điền, không có lui sụt.
5. Từ giáo pháp của Phật hóa sinh, gọi là Phật tử Y chỉ nhà Phật.

Thứ mười sáu là Môn Đại, giải thích về thắng lợi của thắng giải trong giáo thọ của tạng Bồ-tát, trong đó, đầu tiên, là nêu chương bày danh. Kế là giải thích riêng. Sau kết thành vô lượng.

Y cứ trong giải thích riêng, tức có năm đoạn, trước là giải thích tướng thứ nhất, nghĩa là do năm tướng che ánh sáng, cảm nhận tăng



thượng của sự giàu sang:

1/ Khả năng dẫn đến quả của đường lành hữu lượng và vì dẫn đến vô lượng quả của thế gian, xuất thế gian, cung có thể là nhân giàu sang, vì dẫn đến quả hữu lượng. Thắng giải có dẫn đến quả vô lượng, nên cách giải thích sau là hơn.

2/ Nhân giàu sang, vì pháp có cùng tận. Nhân thắng giải vì pháp vô tận.

3/ Nhân giàu sang vì cảm chẳng phải niềm vui rộng lớn. Nhân thắng giải cảm niềm vui rộng lớn.

4/ Vì nhân giàu sang là quyến thuộc của trí nhân thắng giải là tự tánh của trí.

5/ Do thắng giải này có thể dẫn phát trí kia, kể là, giải thích tướng thứ hai:

Y cứ vào hành động của thân lìa sáu lỗi, do giải thích thân chuyển y, là vì sở y.

Nói Ba”, nghĩa là do lỗi lầm oai nghi của hai thứ tướng, đây có hai giải thích:

1/ “Oai nghi có bốn, hợp lại thành hai:

a. Đi.

b. Đứng tọa, ngồi, nằm, nên nói là hai tướng:

2/ “Rất nhanh rất chậm là lỗi lầm của hai tướng oai nghi.

3/ Do lỗi của tướng sợ hãi của ba thứ tướng: già, Bệnh, chết.

4/ Do lỗi của hai thứ tướng Át-ly-sắc-tra. Át-ly-sắc-tra, nghĩa là tạp nhiễm, nghiệp phiền não gọi là hai tướng.”

Lại, giải thích: “Hai cảnh nhiễm, tịnh của trái, thuận được gọi là hai tướng.

Kể là, giải thích tướng thứ ba. Về tướng, khi chúc mừng, an ủi xa lìa năm lỗi. Vì tạo nên chỗ nói pháp, nên nói làm đồ dựng thuyết.

Kể là, giải thích tướng thứ tư. Lại, ở vào lúc thọ ký, phân biệt điều mình hiểu rõ, xa lìa năm lỗi. Vì đào tạo người nói pháp, nên làm khí cụ của người nói”. Dưới đây, là giải thích tướng thứ năm, nghĩa là xa lìa năm lỗi khi sắp qua đời.

Được thấy nghiệp thanh tịnh, ba thứ đầu trong năm lỗi lầm, gọi là nghiệp không thanh tịnh. Thứ tư gọi là kiến không thanh tịnh, một thứ sáu, chung lỗi cho kiến, nghiệp.

Hữu dư y và Nhị địa Vô dư y. Dưới đây là thứ mười hai, hợp quyết định lựa chọn Nhị địa hữu dư, Vô dư. Có nửa quyển được chia làm hai: Đầu tiên, chánh quyết định lựa chọn Nhị địa. Sau, kết chung các địa,

quyết định lựa chọn, khuyên các địa nên tư duy.

Trong phần trước, đầu tiên là trước, sinh sau, 2, hai là chia ra chương, giải thích, trong đó lại có hai: Trước là lập môn chương, tức có mười bốn, trong bài tụng v.v... nói: nhiếp thu ba môn, kế là y môn giải thích.

1) Giải thích. Môn lìa trói buộc, có hai phen hỏi đáp, như văn, rất dễ hiểu.

2) Giải thích môn Thọ hành.

Nói rộng về La hán, có hai hạng: a) lợi căn, 2) Độn căn. Trong lợi căn có hai: 1) Câu giải thoát, 2) Tuệ giải thoát. Trong độn căn cũng thế.

Trong đây, người nào có thể bỏ tuổi thọ, tăng tuổi thọ? Ở đây có năm cách giải thích:

1/ “Chỉ có lợi căn (căn nhạy bén) câu giải thoát là người xả tuổi thọ, tăng tuổi thọ. Ba người còn lại thì không thể, nên nói: “Công năng khác nhau”.

2/ “Nếu người căn cơ nhạy bén, tuệ giải thoát, đều được thêm tuổi thọ xả tuổi thọ, chỉ trừ độn căn (căn chậm lụt) không thể thêm, xả.”

3/ “Hai quả đầu không được mạng sống lâu, người chứng quả bất Hoàn cũng được sống lâu, tức dẫn kinh Niết-bàn ba mươi ba để chứng minh cho nghĩa này. Lại, xét văn kia”.

4/ “Người chứng hai quả đầu cũng được mạng sống lâu. Người Bất hoàn cũng được mạng sống lâu, đều do sức phước, không do sức định, vì chưa được định tự tại bờ mé”.

5/ “Hai quả ban đầu cũng được định tự tại mà mạng sống lâu, do hàng phục “hoặc”, được định căn bản”.

Thứ ba, là giải thích chuyển y, trước hỏi, sau đáp. Trong đáp có ba: Đầu tiên, là chính đáp câu hỏi trước. Kế là, dẫn thuyết chứng thành. Sau, nêu dụ để nói chẳng phải lìa, chẳng phải hợp.

Trong phần đầu, ý nói chuyển y là xuất ly ràng buộc, do chân như hiển bày, nên đối với sáu xứ kia chẳng phải khác, chẳng phải không khác. Chủng tánh của Chân như, nghĩa là lấy chân như làm thể hạt giống của chân như, nghĩa là “duyên” chân như làm cảnh rồi huân tập thành hạt giống.

Chân như nhóm hợp thành, nghĩa là nương tựa chân như mà nhóm hợp thành muôn đức. Vì “như” là thể, nên chẳng thể nói “khác”. Vì y cứ nghĩa bất nhất, nên chẳng thể nói “không khác”, cho nên nói: “tánh khác, chẳng khác, đều không thể nói. Nhưng về nghĩa “không thể nói”

này, như trước đã nói.

“Đức Thế tôn dựa vào chân như này v.v...” trở xuống, là thứ hai, dẫn thuyết để chứng thành, tìm văn, rất dễ hiểu.

“Như người giết mổ bò v.v...” trở xuống, thứ ba, nên thí dụ để nói, trong đó, trước nêu dụ để so sánh với pháp kia. Sau, nhân tánh ngôn ngữ để nói đã chuyển ý, nghĩa là lấy tướng khác nhau, nói là các tướng bị lấy kia. Đã lìa tánh ngôn thuyết, như cảnh chân như không thể nói năng.

Thứ tư, trong giải thích môn Trụ, nói nhập diệt định dần, nghĩa là nếu người tuệ giải thoát, khi muốn nhập Vô dư, chưa hẳn là nhập diệt định, nay y cứ vào giải thoát nên nói trước tiên là nhập Diệt định cũng có thể La hán khi sắp nhập Vô dư, thì phải nhập diệt định, không cần xuất định, mới nhập Vô dư. Việc này tức trụ ở thức thứ tám nhập Niết-bàn, không đồng với luận Tiểu thừa nói trụ tâm v.v... Dị thực thứ sáu, mà nhập Niết-bàn.

Nói “tất cả sinh, tất cả loại sinh”, ở đây có hai giải thích:

1) “Tất cả sinh, nghĩa là bốn sinh. Loại sinh nghĩa là báo của biến dịch.

2) “Tất cả sinh nghĩa là bốn sinh. Loại sinh, nghĩa là mỗi loại trong bốn sinh, đều có chủng loại khác nhau.

Nói “chỉ thành xong”, nghĩa là vì tự chứng bên trong.”

Có Luận sư giải thích: “Đã nói tự chứng nên biết rằng, dù chẳng phải sáu đường mà có người kia. Nhưng văn dưới đây nói rằng: “Không thể đặt ra đây là Như lai, Thanh văn v.v...”: Đây là chỉ rõ nghĩa không có sai khác, chứ chẳng phải không có người kia. Nhưng nay người của môn ba tạng, giải thích rằng: “Đối với tu đạo nói là nói, nói nghĩa là nội tại chứng pháp giới, chân thật, lại không có người chứng.

Thứ năm, là giải thích môn sai khác có hai hỏi đáp. Trong hỏi đáp thứ hai, giới này chẳng phải khổ, nên chẳng phải đối tượng biết khắp. Vì chẳng phải Tập, nên chẳng phải cái nên dứt, thành thử chẳng thể diệt, cũng gọi là Trụ.

Thứ sáu, là giải thích môn Hữu, có ba lượt hỏi đáp: Đầu tiên, là nói về “có”. Kế là nói về tướng, sau nói lý do của “có”, với hai lượt giải thích.

Thứ bảy, là giải thích môn Thường. Hỏi, đáp, gạn hỏi giải thích.

Thứ tám, là giải thích môn Lạc, cũng hỏi, đáp, gạn hỏi, giải thích.

Thứ chín, là giải thích môn khác lạ, có ba lượt hỏi đáp.

Thứ mười, là giải thích môn tánh khác. Về các hành văn rất dễ hiểu.

Thứ mười một, là giải thích môn tự tại, có ba lượt hỏi đáp.

Hỏi: “Hàng Nhị thừa nhập Vô dư, đã không có thân trí, vì sao lại nói là được tự tại ư?”

Giải thích: “Dù không có thân trí mà chân pháp giới xa lìa ràng buộc, nên nói là tự tại.

Thứ mười hai, giải thích môn Phát thú, có hai hỏi đáp: trong hỏi đáp đầu, nói “Chỉ trụ hữu dư, có thể có việc này”.

Hỏi: “Nếu vậy, vì sao Kinh Lăng-già nói: “Bồ-tát Đại Tuệ bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế tôn! Sao đức Thế tôn nói Thanh văn được thành A-nậu Bồ-đề?”

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ! “Ta vì người nhập Niết-bàn Vô dư mà nói.”

Đáp: “Có Luận sư nói: “Không có Nhị thừa tu không thành Phật, nên trụ Vô dư cũng được hồi tâm, trong kinh, y cứ vào thuyết này, vì người nhập Niết-bàn Vô dư mà nói. Luận y cứ vào thời gian lâu, xa, vì khó biết được, nên nói “Chỉ trụ hữu dư, có thể có việc này, chứ chẳng phải trụ Vô dư”. Tức là dẫn ba văn để chứng thành nghĩa này:

1. Kinh Niết-bàn quyển hai mươi mốt nói: “Tám muôn, sáu muôn, bốn trăm hai mươi mốt muôn kiếp trú xứ của Thanh văn, Độc Giác, gọi là Niết-bàn. Nếu lúc trụ hữu dư y, vì không có Nhị thừa trụ tám muôn kiếp v.v... ”.

2. Kinh Lăng-già nói: “Vị chấp mắc niềm vui tam-muội, an trụ giới vô lậu, không có cõi rốt ráo, cũng không lui sụt lại, được các thân tam-muội, cho đến kiếp bất giác. Ví như người người say hôn mê, khi rượu tan hết, sau đó mới tỉnh. Pháp giác ngộ kia cũng thế, được thân vô thượng của Phật.

3. Luận Đại Trí Độ chép: “Dứt trừ nghiệp phiền não của ba cõi, vào Niết-bàn Vô dư, mà sinh Tịnh độ, nghe kinh Pháp Hoa.

Học trò của Tam Tạng nói: “Có Nhị thừa quyết định tu không thành Phật. Ý kinh ấy nói: “Người muốn vào Niết-bàn Vô dư, vì hồi thú Đại thừa, nên nói là Thanh văn được thành Đại giác, chứ chẳng phải nói người đã nhập Vô dư, lại hưởng về Đại giác, cho nên chẳng trái.”

Lại, giải thích: “Luận như thế v.v... ” trở xuống, là nói phương tiện thị hiện nhập cõi Vô dư y v.v... Dù nói người này, vì nhập Niết-bàn Vô dư là thật sự hồi hưởng Bồ-đề, còn Thanh văn trụ Niết-bàn hữu dư. Say rượu Tam-muội là người tánh bất định, trụ trong định vắng lặng. Về

sau xuất định rồi, thú hưởng Đại thừa, làm thân biến dịch.”

Kinh Niết-bàn chép: “Trụ tám muôn kiếp, nghĩa là Thanh văn kia y cứ ở chỗ tiêu luyện, trụ tám muôn kiếp v.v... sau đó, mới đến sơ tâm Thập Tín, nên nói lời này.

Văn của Trí luận kia, xưa nay có hai giải thích:

1/ “Y cứ vào Tịnh độ pháp tánh, tức là thể Vô dư, nên nói rằng: “Sinh Tịnh độ, nhập cõi Vô dư.”

2/ “Thọ báo biến dịch, qua lại cõi nước biến hóa, nghe kinh Pháp Hoa, vì đã qua là sinh, chứ chẳng phải thọ sinh.

Thứ hai, trong hỏi, đáp, nói “Thêm các thọ hành, mới có thể thành xong”, ở đây có hai giải thích:

1/ “Dù sinh Vô dư mà vẫn được vào định tự tại, đốn luyện phần đoạn, tăng tuổi thọ biến dịch, nên thành tựu Đại giác.”

2/ “Mạng phần đoạn sống lâu, được trụ nhiều kiếp, tu hạnh Đại thừa. Kinh chép: “Tu-đà-hoàn đến tám muôn kiếp v.v... đều là mạng sống lâu mà trụ”. Dù có hai giải thích, nhưng giải thích trước là hơn.

Nói: “Loại vật, người thiện nam v.v...”, nghĩa là thông thường, một loại vật chỉ hồi hưởng Bồ-đề Thanh văn.”

Lại, giải thích: “Chẳng phải như Nhị thừa định tánh nhập hẳn Vô dư, không ở số hữu tính, nên nói vật loại”.

Nói: “Pháp đồng”, nghĩa là thị hiện tiền phương tiện v.v...

Hỏi: “Vì sao người đồng pháp trước nhập Vô dư ư?”

Pháp sư Thái v.v... giải thích: “Sợ e pháp đồng kia vì phát vô kiến, nên làm hoá thân ưa nhập Vô dư.

Thứ mười ba, là giải thích về môn chủng tánh. Văn có bốn lượt:

1. Nói về chủng tánh La-hán có khác nhau: Có người phát tâm Đại thừa, có người nhập Vô dư.

2. Nói về căn duyên có khác nhau, nên địa vị lúc hồi tâm khác nhau, trong đó, đầu tiên, là nói về phần vị thời gian hồi tâm của Thanh văn khác nhau. Sau là nói riêng Bồ-tát chấp nhận hưởng xuống thừa dưới, vì định mà Đức Phật đã giữ gìn không thu nhập thừa dưới.

3. Nói về Thanh văn hồi hưởng Bồ-đề, quy đồng Như lai, nhập vào Vô dư.

4. Nói Thanh văn hồi hưởng Bồ-đề, trên đây, phải nói là chủng tánh bất định.

Thứ mười bốn, là giải thích môn bí mật. Đầu tiên y cứ môn Vô dư y để nói về bí mật của Như lai, sau y cứ chung Vô dư và các sai khác, để nói về bí mật của Phật.

Trong phần trước có ba: Trước là nói về tánh bất định và các đức Như lai lúc trụ Vô dư, không có ba thứ sợ v.v...

Kế là, nói về người có tánh bất định và người có tánh Bồ-tát lúc trụ Vô dư, vẫn làm lợi ích cho chúng sinh, trong đó, trước, chính là nói về lợi tha, sau, dẫn, kinh để thí dụ so sánh:

Dụ cho nhà ảo thuật: Nói về biến hóa kia. Dụ cho chủ lái buôn, chỉ rõ nhiều lợi ích. Dụ thuyết sư, nói rõ năng tế độ.

Thứ ba, là giải thích xong, tổng kết dưới.

Trong y cứ chung, nói về mật ý của Phật, ý nói là sự nghiệp lợi tha của Vô dư này và phước đức trí tuệ v.v... của các thứ lợi mình, lợi người. Các vị Bồ-tát trong các bí mật lẽ ra chính là tùy chuyển. Về lý, thật ra Địa tiền có đủ ba nhãn. Nay chỉ nói Nhãn phẩm hạ, là vì y cứ ở phần đầu để nói, rộng như Bản Địa phần.”

Hỏi: “Về nghĩa chung của pháp quyết định lựa chọn thế nào trở xuống, thứ hai, là kết chung quyết định lựa chọn của các địa, khuyên các địa nên tư duy?”

Đáp: “Do phẩm loại sai khác v.v... nghĩa là do phẩm loại sai khác của cảnh, hạnh, quả. Lập các pháp của mười Thất địa, tức giải thích khó phân biệt các câu như một hạnh v.v... của các môn trong mười bảy địa. Rộng như các chỗ thường nói.

“Như thế, nên biết nghĩa chung trong đây”: Tức là nhắc lại để kết.

Văn quyết định lựa chọn trong địa này, không còn hiện tiền: Ở đây có văn quyết trạch khác lại không còn hiện trong các địa hữu dư, vô dư khác. Lại, giải thích: “Văn quyết định lựa chọn khác trong mười Thất địa này, không còn hiện tiền ở trước là hơn.

“Phải biết cho đến “loại khác nên tư duy”, nghĩa là chứng tỏ lời nói khó tường tận, khuyên người nên tư duy”.

-----